

Số: 23

Ngày 17/6/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh.*
- Khai thác dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước phải có cảnh báo chỉ dẫn an toàn.*
- Sĩ quan Công an nhân dân có thể kéo dài hạn tuổi phục vụ ngành đến 10 năm.*
- Quy định cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh trong Quân đội.*
- Đến năm 2030, tối thiểu 50% các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng các Bộ tư chủ chi thường xuyên.*
- Ưu tiên sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu an ninh mạng.*
- Trả trực tiếp phí khám, chữa bệnh cho người đóng Bảo hiểm y tế 05 năm liên tục.*
- Phí khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia cao nhất là 8 triệu đồng.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện thì các hành vi nào được gọi là tham nhũng?*
- Trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện thì các hành vi nào được gọi là tham nhũng?*
- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng là gì?*
- Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong phòng, chống tham nhũng là gì?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. CẢI THIỆN MẠNH MỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

Ngày 11/6/2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 39/NQ-CP phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2019.

Theo Nghị quyết, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chủ động, linh hoạt ứng phó kịp thời trước diễn biến tình hình quốc tế và trong nước; có kế hoạch cụ thể triển khai các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

Các bộ, ngành, địa phương phải tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực quản lý; triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ; chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng thể chế, chính sách; tiếp tục quyết liệt cắt giảm thực chất các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không cần thiết, gây phiền hà cho doanh nghiệp, bảo đảm tiến độ đã đề ra, không để lợi ích nhóm chi phối; tăng cường phối hợp, không để xảy ra tình trạng chồng lấn, chồng chéo trong thanh tra,

kiểm tra, điều tra; cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

Các bộ, ngành, địa phương chủ động rà soát, tìm động lực tăng trưởng mới của ngành, lĩnh vực, địa phương mình; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng các dự án, công trình thuộc phạm vi quản lý; chú trọng thực hiện các giải pháp đã được nêu tại Diễn đàn kinh tế tư nhân; thí điểm tổ chức các mô hình mới, nhân rộng các mô hình đã được thực tiễn kiểm chứng hiệu quả.

Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục theo dõi, đánh giá, dự báo tác động của thị trường tài chính, tiền tệ thế giới, điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ của chính sách tiền tệ tạo nền tảng vững chắc chống chọi với cú sốc từ bên ngoài; tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017; thực hiện tốt chức năng thường trực của Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền của Việt Nam và cơ quan đầu mối phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan trong việc đánh giá đa phương của APG đối với Việt Nam.

2. KHAI THÁC DỊCH VỤ VUI CHƠI, GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC PHẢI CÓ CẢNH BÁO CHỈ DẪN AN TOÀN

Ngày 05/6/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 48/2019/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; có hiệu lực ban hành từ ngày 15/8/2019. Nghị định này quy định về quản lý hoạt động của các phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước tại Việt Nam, bao gồm: quản lý hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước, phương tiện và người lái phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước gồm 2 vùng: vùng 1 là vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải; vùng 2 là vùng nước khác không thuộc vùng 1, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát. Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền quy định thời gian trong ngày được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí tại 2 vùng trên.

Nghị định quy định rõ, phương tiện phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải thực hiện đăng kiểm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải ban hành và đăng ký theo quy định tại Nghị định này, trừ phương tiện đã được đăng ký theo quy định của pháp luật về giao thông

đường thủy nội địa hoặc pháp luật về hàng hải.

Người lái phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải đủ 15 tuổi trở lên, đảm bảo sức khỏe. Người lái phương tiện phải mặc áo phao trong suốt thời gian vui chơi, giải trí; chỉ điều khiển phương tiện hoạt động vui chơi giải trí trong vùng nước được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố.

Các tổ chức, cá nhân khai thác vùng hoạt động và cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước phải thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn của phương tiện, thiết bị; bố trí đầy đủ áo phao, thiết bị cứu sinh, thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định; chỉ được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí trong khoảng thời gian theo quy định và phải có phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường; tập huấn, hướng dẫn kỹ năng an toàn cho người vui chơi, giải trí.

Nghị định cũng yêu cầu các tổ chức, cá nhân khai thác loại hình dịch vụ này phải có cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp dịch vụ; khuyến cáo những trường hợp không được tham gia; bố trí khu vực bên, bãi neo đậu cho các phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí chỉ được phép neo đậu ở những nơi quy định...

3. SĨ QUAN CÔNG AN NHÂN DÂN CÓ THỂ KÉO DÀI TUỔI PHỤC VỤ NGÀNH ĐẾN 10 NĂM

Ngày 06/6/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân về: chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân thôi phục vụ trong Công an nhân dân, hy sinh, tử trần; chế độ, chính sách đối với công nhân công an; kéo dài hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân; có hiệu lực từ ngày 25/7/2019.

Hạn tuổi phục vụ của công nhân công an đối với nam là đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi. Tuy nhiên, sĩ quan Công an nhân dân là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia cao cấp có thể được kéo dài hạn tuổi phục vụ để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công nghệ ở cơ sở giáo dục đại học, Viện nghiên cứu trong Công an nhân dân.

Sĩ quan Công an nhân dân được kéo dài hạn tuổi phục vụ khi có đủ các điều kiện sau: đơn vị trực tiếp sử dụng sĩ quan có nhu cầu và còn thiếu biên chế so với ấn định; có sức khỏe, phẩm chất, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tự nguyện tiếp tục làm việc theo yêu cầu. Cụ thể, sĩ quan có thể được kéo dài hạn tuổi phục vụ một hoặc nhiều lần, mỗi lần không quá 02 năm. Tổng thời gian kéo dài như sau: không quá 10 năm đối với giáo sư; không quá 07 năm đối với

phó giáo sư; không quá 05 năm đối với tiến sĩ, chuyên gia cao cấp. Trong thời gian kéo dài tuổi phục vụ, sĩ quan được kéo dài hạn tuổi phục vụ có quyền đề nghị nghỉ làm việc để hưởng chế độ nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

Nghị định nêu rõ sĩ quan, hạ sĩ quan khi nghỉ công tác hưởng chế độ hưu trí, nếu đã được thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương được 2/3 thời hạn trở lên và được đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên thì được thăng cấp, nâng 1 bậc lương (trừ trường hợp thăng cấp bậc hàm cấp tướng). Sĩ quan, hạ sĩ quan khi nghỉ hưu được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trợ cấp một lần của thời gian tăng thêm do quy đổi theo quy định. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 30 Luật Công an nhân dân năm 2018 từ đủ 1 năm trở lên do thay đổi tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì ngoài chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định ở trên còn được hưởng trợ cấp một lần gồm: được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi; được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ 01 năm công tác được trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương trước khi nghỉ hưu.

4. QUY ĐỊNH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM, CHỮA BỆNH TRONG QUÂN ĐỘI

Ngày 07/6/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 50/2019/NĐ-CP quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Quân đội. Nghị định này áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, người lao động hợp đồng hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Trong đó, Nghị định quy định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong Quân đội. Cụ thể, việc cấp chứng chỉ hành nghề áp dụng đối với các trường hợp: Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề; cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề; cấp lại chứng chỉ hành nghề. Việc cấp lại chứng chỉ hành nghề áp dụng đối với trường hợp: Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc hư hỏng; đủ điều kiện cấp lại chứng chỉ hành nghề đã bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Việc cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề áp dụng đối với trường hợp: bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành

nghề; bổ sung kỹ thuật chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề; thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề; thay đổi thông tin cá nhân và văn bằng chứng chỉ trong chứng chỉ hành nghề. Mỗi người hành nghề chỉ được cấp một chứng chỉ hành nghề có giá trị sử dụng trên phạm vi toàn quốc. Chứng chỉ hành nghề của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng trong biên chế theo quy định của Bộ Quốc phòng do cá nhân tự quản lý; chứng chỉ hành nghề của lao động hợp đồng do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quản lý.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/7/2019.

5. ĐẾN NĂM 2030, TỐI THIỂU 50% CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁC BỘ TỰ CHỦ CHI THƯỜNG XUYỀN

Để sắp xếp lại hệ thống tổ chức và tổ chức bộ máy của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn; năng lực tự chủ, hoạt động hiệu quả; không ngừng nâng cao chất lượng bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, hiệu quả. Ngày 07/6/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 705/QĐ-TTg phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ

thống chính trị đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án); có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ tướng Chính phủ đề ra mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn 2019-2025 và 2026-2030. Giai đoạn từ năm 2019 – 2025, đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, phân đầu đến năm 2025: 25% cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm tự chủ về thực hiện nhiệm vụ và tổ chức bộ máy, nhân sự và bảo đảm tự chủ chi thường xuyên; 75% bảo đảm tự chủ tối thiểu 50% chi thường xuyên. Đặc biệt, phân đầu đến năm 2030: tối thiểu 50% cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự và bảo đảm tự chủ chi thường xuyên; 50% cơ sở còn lại bảo đảm tự chủ tối thiểu 60% chi thường xuyên.

Theo Đề án, đến năm 2020 phải xây dựng, hoàn thiện văn bản quy định về cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị; hoàn thành Đề án kiện toàn tổ chức, hoạt động của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. Đến năm 2025, tổ chức thực hiện đề án đã được phê duyệt, bảo đảm hoàn thành có chất lượng, hiệu quả các mục tiêu cụ thể đã đề ra; tổ chức

tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp trong giai đoạn tiếp theo. Giai đoạn từ năm 2026-2030, tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp, hoàn thành mục tiêu của Đề án.

Kinh phí xây dựng và thực hiện Đề án được bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao theo quy định về phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn tài chính, huy động hợp pháp khác. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm đôn đốc, tổng hợp, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6. ƯU TIÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU AN NINH MẠNG

Theo Báo cáo chỉ số an toàn, an ninh thông tin toàn cầu (Global Cybersecurity Index - sau đây gọi tắt là GCI) của Liên minh Viễn thông Quốc tế (International Telecommunication Union - sau đây gọi tắt là ITU), theo xếp hạng chưa chính thức tháng 3 năm 2019 (cho giai đoạn 2017 - 2018), thì Việt Nam xếp thứ 50/194 quốc gia, vùng lãnh thổ được đánh giá, đứng thứ 5/11 trong khu vực Đông Nam Á. Để cải thiện việc hướng dẫn thi hành pháp luật về an toàn, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và chế tài xử lý vi phạm còn chưa đầy đủ, ngày 07/6/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh

mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam.

Thủ tướng chỉ thị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức tín dụng, tài chính Nhà nước khác thực hiện một số giải pháp sau: quán triệt nguyên tắc các lãnh đạo đứng đầu đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng nếu xảy ra mất an toàn, an ninh mạng, lộ lọt bí mật nhà nước tại cơ quan, đơn vị mình quản lý; chỉ định, kiện toàn đầu mối đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin mạng; giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, bảo vệ hệ thống thông tin thuộc quyền quản lý; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin thuộc quyền quản lý; ưu tiên sử dụng sản phẩm, giải pháp, dịch vụ của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về an

toàn, an ninh mạng theo quy định; bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án công nghệ thông tin; sử dụng và quản lý khóa bí mật (USB token) của chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ, chứng thư số, các giải pháp mã hóa của Ban Cơ yếu Chính phủ theo đúng quy định; tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, hành lang pháp lý về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tội phạm mạng, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển an toàn thông tin mạng; phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh mạng; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng; kịp thời cung cấp thông tin, số liệu về pháp lý, kỹ thuật, tổ chức, nâng cao năng lực và hợp tác trong lĩnh vực an toàn, an ninh mạng phục vụ việc đánh giá, xếp hạng chỉ số GCI của ITU.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. TRẢ TRỰC TIẾP PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ TRONG 05 NĂM LIÊN TỤC

Ngày 10/6/2019, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 09/2019/TT-BYT hướng dẫn thẩm định điều kiện ký

hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, chuyển thực hiện dịch vụ cận lâm sàng và một số trường hợp thanh toán trực tiếp chi phí trong khám bệnh. Chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Thông tư này hướng dẫn việc tổ chức thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế về: thẩm định điều kiện của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu; chuyển thực hiện dịch vụ xét nghiệm cận lâm sàng, chuẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng; thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho các trường hợp đặc biệt khác theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 31 Luật bảo hiểm y tế được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật số 46/2014/QH13.

Theo đó, ngoài những trường hợp thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định, người có thẻ bảo hiểm y tế được thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong các trường hợp sau: người bệnh có thời gian tham gia bảo hiểm y tế 05 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong năm lớn hơn 06 tháng lương cơ sở (trừ trường hợp tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến) nhưng chưa được thanh toán số tiền cùng chi trả lớn hơn 06 tháng lương cơ sở; dữ liệu thẻ bảo hiểm y tế không được cung cấp hoặc cung cấp không chính xác về thông tin thẻ bảo hiểm y tế; người bệnh không xuất trình được thẻ bảo hiểm y tế trước khi ra viện, chuyển viện trong ngày do tình trạng cấp cứu, mất ý thức hoặc tử vong hoặc bị mất thẻ nhưng

chưa được cấp lại. Bảo hiểm xã hội nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị thanh toán trực tiếp chịu trách nhiệm thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho các trường hợp quy định theo mức hưởng trong phạm vi quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2019.

8. PHÍ KHAI THÁC, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU NỀN ĐỊA LÝ QUỐC GIA CAO NHẤT LÀ 8 TRIỆU ĐỒNG

Ngày 10/6/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 33/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ đối với bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy có mức thu: Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn có mức thu là 120.000 đồng/tờ; Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 có mức thu là 130.000 đồng/tờ; Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000 có mức thu 140.000 đồng/tờ; Bản đồ địa hình quốc gia tỷ

lệ 1:100.000 và nhỏ hơn có mức thu 170.000 đồng/tờ.

Mức thu phí khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia như sau: Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 0.5 mét đến 5 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000 có mức thu là 80.000 đồng/mảnh. Cơ sở

dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000 có mức thu là 400.000 đồng/mảnh. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000 có mức thu là 8 triệu đồng/mảnh...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/08/2019.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, KẾT NỐI VÀ CHIA SẺ DỮ LIỆU SỐ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý Dự thảo Nghị định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước. Dự thảo Nghị định có 5 chương với 58 điều được xây dựng nhằm hoàn thiện và cụ thể hóa cơ sở pháp lý đã được quy định tại Luật Công nghệ thông tin, tạo thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình hoạt động.

Trong đó, dự thảo Nghị định quy định quản lý dữ liệu số trong cơ quan nhà nước. Cụ thể, dữ liệu số trong cơ quan nhà nước được tổ chức thống nhất có quan hệ chặt chẽ với nhau; được phân chia quản lý theo trách nhiệm quản lý của các cơ quan nhà nước.

Dữ liệu số về một thực thể trong cơ quan nhà nước quản lý có nguồn tin cậy duy nhất do một cơ

quan có thẩm quyền quản lý. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm từng bước hoàn thiện các cơ sở dữ liệu hiện có và xây dựng các cơ sở dữ liệu mới theo hướng tham chiếu tới các nguồn dữ liệu tin cậy duy nhất này để đảm bảo sự đồng bộ dữ liệu, giảm chi phí thu thập dữ liệu số.

Dữ liệu số về cá nhân, tổ chức phục vụ quản lý nhà nước chỉ được thu thập một lần. Các cơ quan nhà nước không được thu thập lại các dữ liệu số đã có trong cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước khác mà phải sử dụng nguồn dữ liệu chia sẻ.

Tổ chức, quản lý dữ liệu số trong cơ quan nhà nước bao gồm các nội dung sau: xây dựng chiến lược, tầm nhìn về triển khai, sử dụng dữ liệu số trong Chính phủ điện tử; lập kế hoạch xây dựng dữ liệu số, xây dựng các cơ sở dữ liệu; quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu, quản lý sự thay đổi dữ liệu số; sử dụng hiệu quả tài nguyên dữ liệu số; đảm bảo

khả năng sẵn sàng chia sẻ dữ liệu số; tiếp nhận, đánh giá yêu cầu chia sẻ dữ liệu, thực hiện chia sẻ dữ liệu số cho các cơ quan nhà nước có nhu cầu.

Cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước bao gồm: cơ sở dữ liệu Quốc gia; cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Điều 58, 59 Luật Công nghệ thông tin.

Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương xây dựng và trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan

ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành; cập nhật danh sách các cơ sở dữ liệu thuộc bộ, ngành, địa phương quản lý.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp là ba cơ sở dữ liệu quan trọng nhất cần được ưu tiên xây dựng, kết nối, chia sẻ.

Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã hoàn thiện bản Dự thảo đăng tải trên website lấy ý kiến nhân dân và gửi các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến góp ý hoàn thiện Dự thảo để trình Chính phủ trong Quý III/2019.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện thì các hành vi nào được gọi là tham nhũng?

Trả lời: Theo Điều 2 Luật số 36/2018/QH14 phòng, chống tham nhũng có quy định các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện bao gồm: tham ô tài sản; nhận hối lộ; lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;

lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; giả mạo trong công tác vì vụ lợi; đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi; những nhiều vì vụ lợi; không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát,

kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

2. Hỏi: Trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện thì các hành vi nào được gọi là tham nhũng?

Trả lời: Theo Điều 2 Luật số 36/2018/QH14 phòng, chống tham nhũng có quy định các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện bao gồm: tham ô tài sản; nhận hối lộ; đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

3. Hỏi: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng là gì?

Trả lời: Theo Điều 4 Luật số 36/2018/QH14 phòng, chống tham nhũng có quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; thực hiện quy định khác của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người

phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, tin báo về hành vi tham nhũng; kịp thời cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý tham nhũng.

4. Hỏi: Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong phòng, chống tham nhũng là gì?

Trả lời: Theo Điều 4 Luật số 36/2018/QH14 phòng, chống tham nhũng có quy định doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm sau đây: thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, phản ánh và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng xảy ra trong doanh nghiệp, tổ chức mình theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức; kịp thời cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng của người có chức vụ, quyền hạn và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng./.